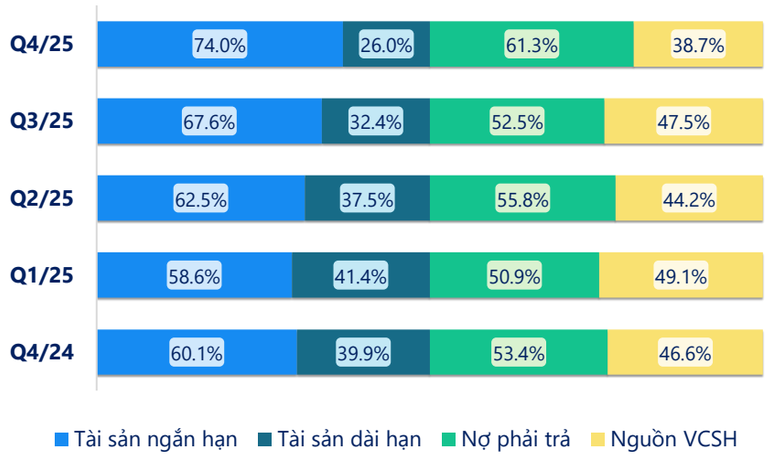
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	39,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	50,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,776
SL cổ phiếu LH	52,998,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120,329
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,067
P/E	27.5
EPS	1,420

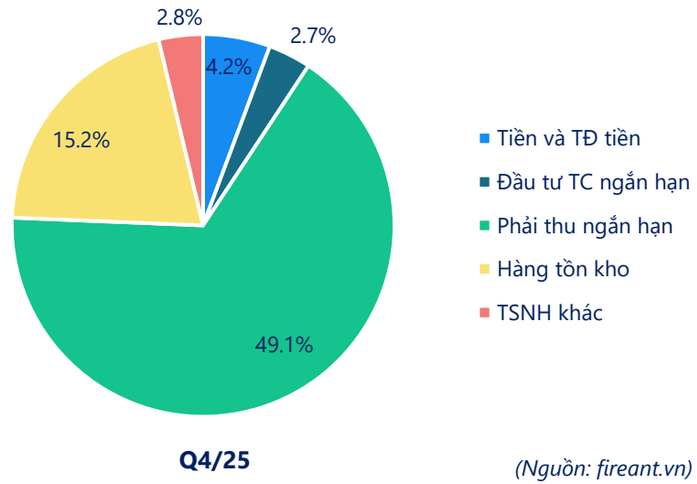
	YTD	1T	3T	6T
DCF	-19.1%	1.3%	-2.5%	-11.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



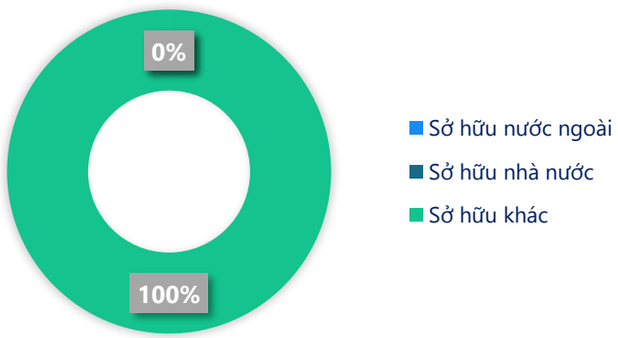
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



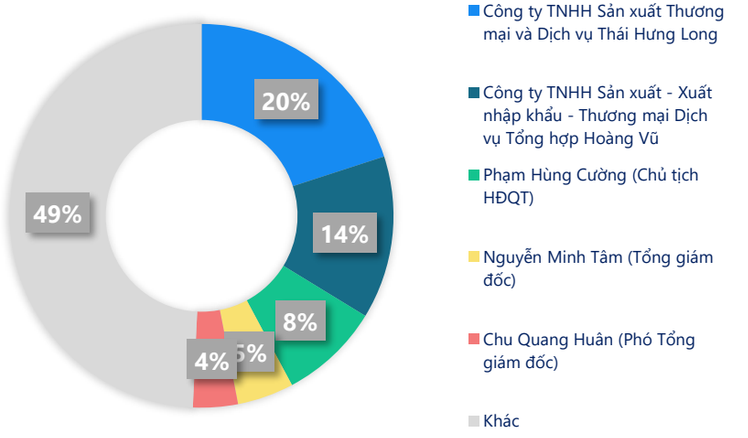
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



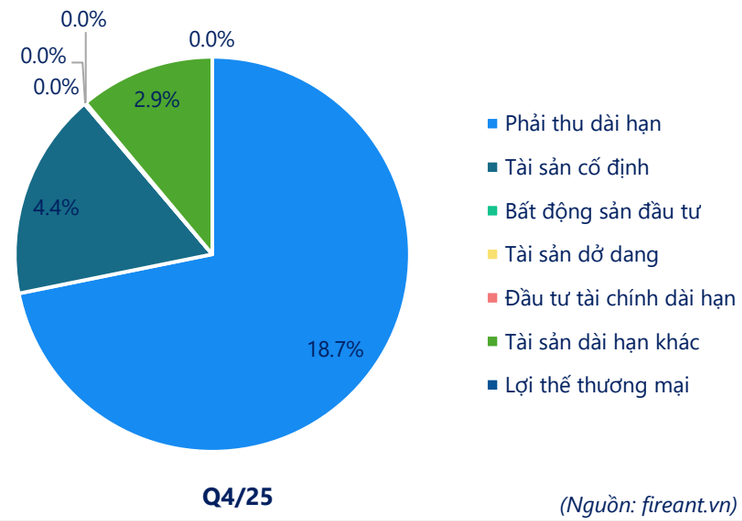
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

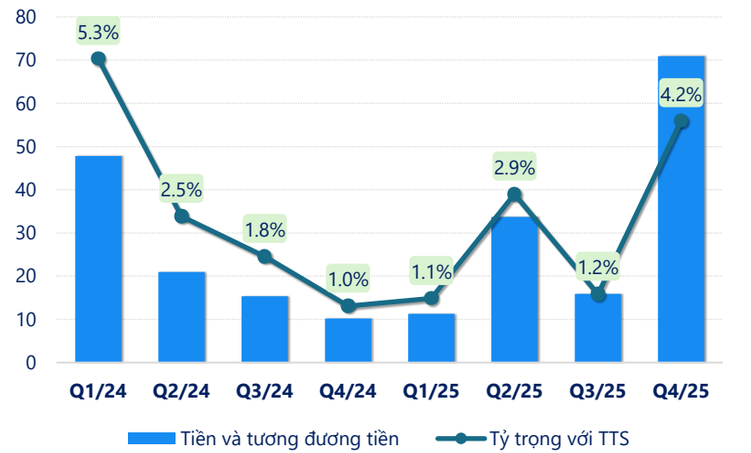


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

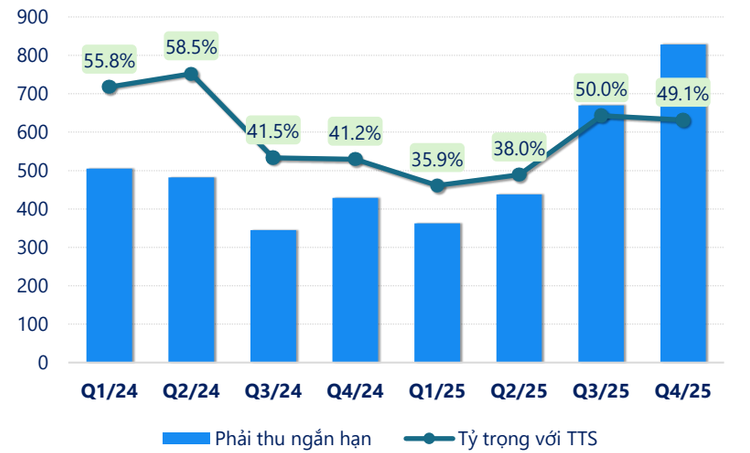
CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



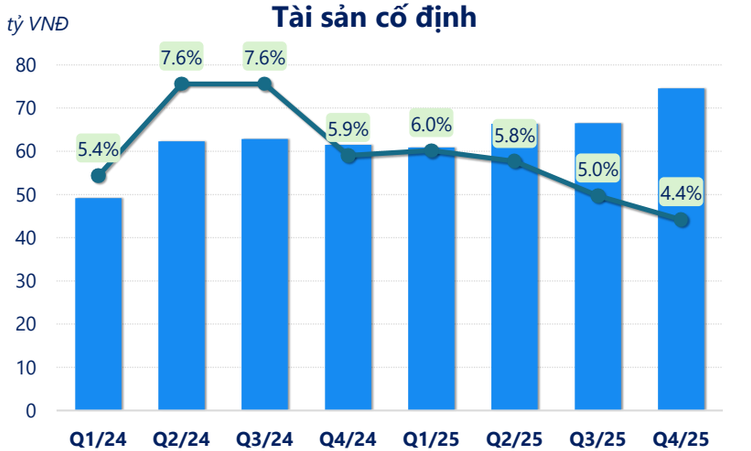
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



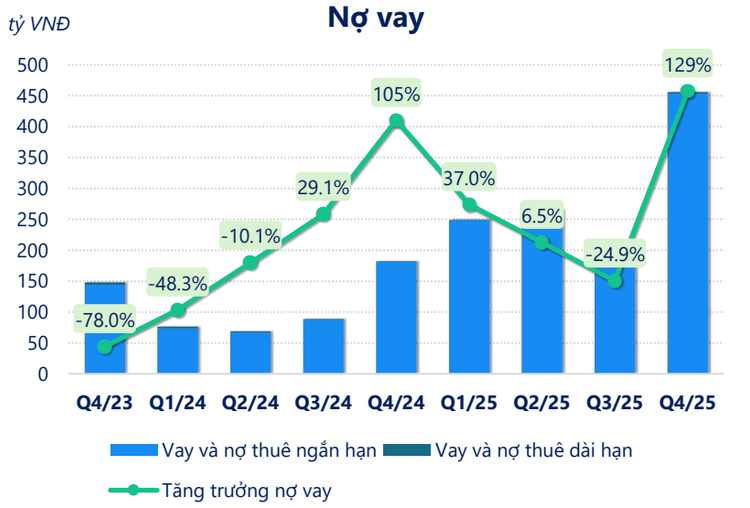
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



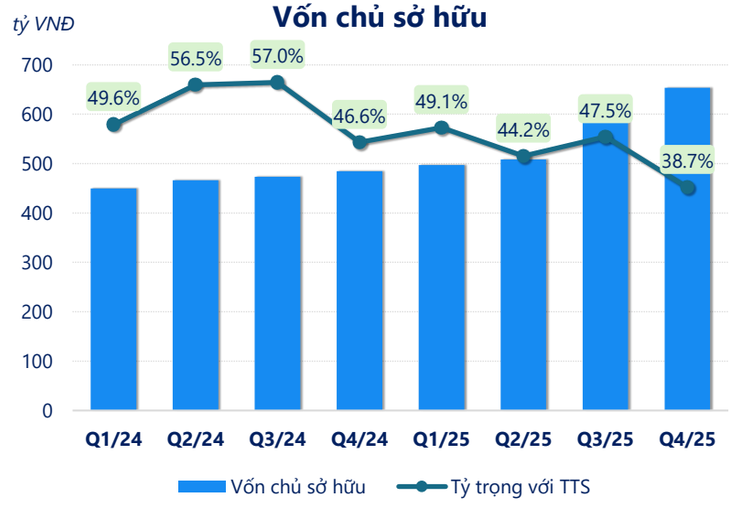
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

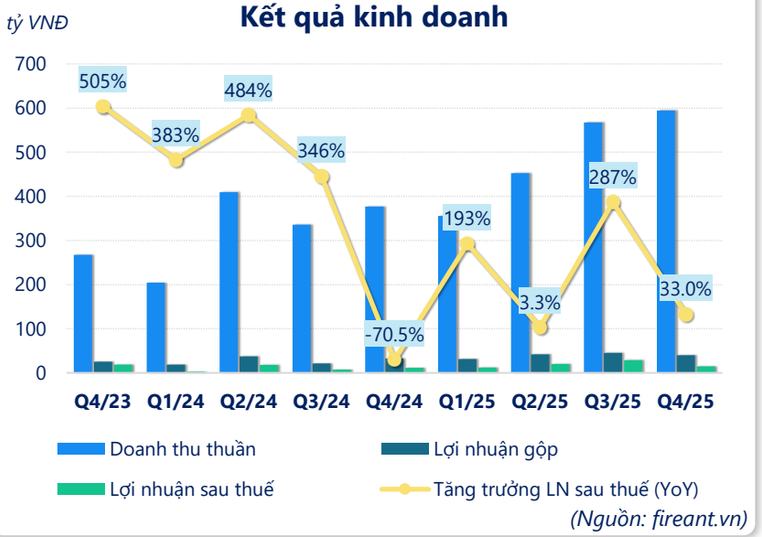


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

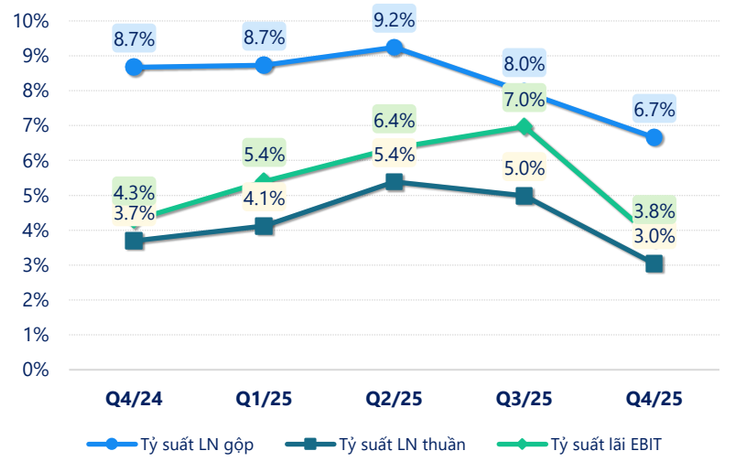
CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

Kết quả kinh doanh



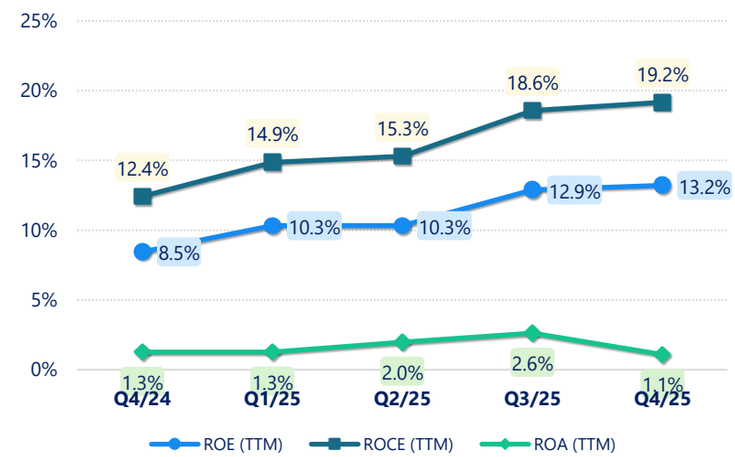
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



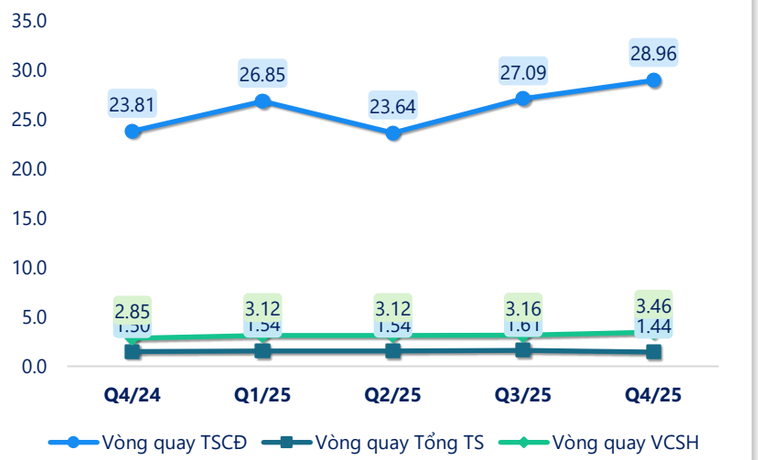
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



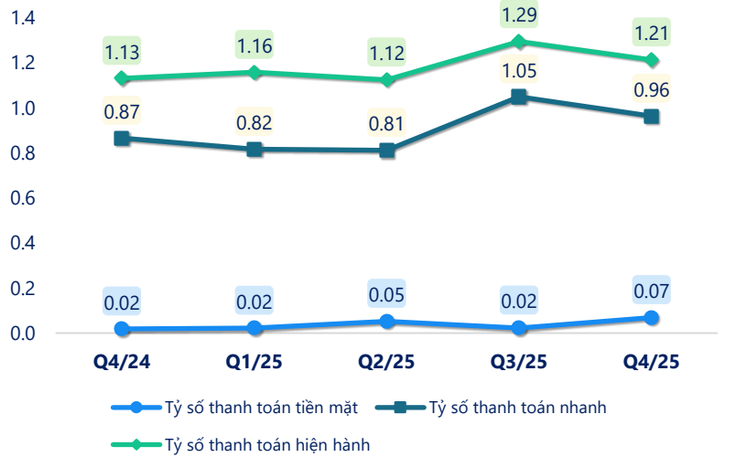
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



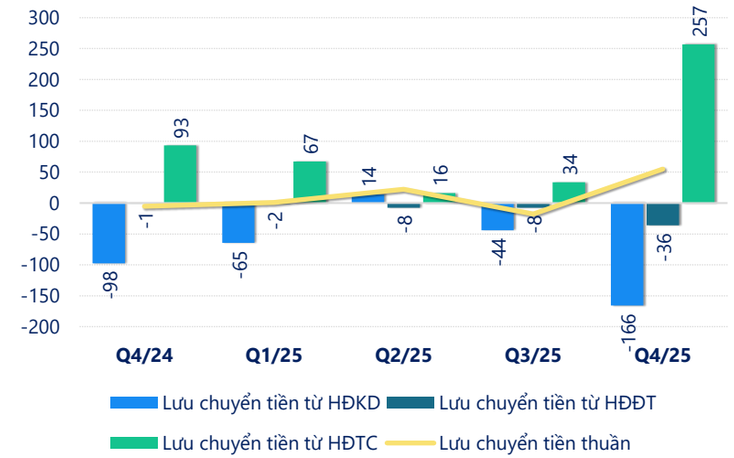
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,687**	**1,041**	**62.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,248	626	99.4%
Tiền và tương đương tiền	70.9	10.2	594%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	0	
Phải thu ngắn hạn	828	429	93.1%
Hàng tồn kho	257	147	75.0%
Tài sản ngắn hạn khác	46.7	39.9	17.0%
Tài sản dài hạn	**439**	**415**	**5.8%**
Phải thu dài hạn	315	315	0.1%
Tài sản cố định	74.6	61.5	21.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.61	4.71	-87.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**48.6**	**33.5**	**45.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,034	556	85.8%
Nợ ngắn hạn	**1,029**	**554**	**85.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	454	181	151%
Phải trả người bán ngắn hạn	295	250	18.1%
Nợ dài hạn	4.46	2.78	60.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.46	0.78	215%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**654**	**485**	**34.9%**
Vốn chủ sở hữu	**654**	**485**	**34.9%**
Vốn điều lệ	530	300	76.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	377	356	453	567	594
Giá vốn hàng bán	344	325	411	522	555
Lợi nhuận gộp	32.7	31.0	41.9	45.2	39.6
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.01	0.02	7.71
Chi phí TC	2.23	3.89	4.05	3.86	3.75
Chi phí lãi vay	2.23	3.89	4.05	3.86	3.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.11	0.93	0.09	0.21	0.25
Chi phí QLDN	16.5	11.6	13.3	12.9	25.2
LN thuần từ HĐKD	13.9	14.7	24.4	28.3	18.1
Lợi nhuận khác	0.02	0.64	0.35	7.36	0.53
LN trước thuế	14.0	15.3	24.7	35.7	18.6
Lợi nhuận sau thuế	11.1	12.2	19.7	28.5	14.9
LNST của CĐ cty mẹ	11.1	12.2	19.7	28.5	14.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-97.5	-64.6	13.8	-43.8	-166
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.74	-1.66	-7.51	-7.76	-35.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	93.2	67.3	16.1	33.8	257
Tiền đầu kỳ	15.3	10.2	11.3	33.7	15.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.12**	**1.04**	**22.4**	**-17.8**	**55.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.2	11.3	33.7	15.9	70.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic